

Số: /UBND-TH

Bình Định, ngày tháng năm 2021

V/v tình hình thực hiện Thông tư
số 149/2014/TT-BTC ngày
10/10/2014 của Bộ Tài chính

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 15274/BTC-PC ngày 11/12/2020 của Bộ Tài chính về việc đánh giá thực hiện Thông tư số 149/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính quy định về số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính để sung vào ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo cụ thể như sau:

1. Tình hình thực hiện Thông tư:

Hàng năm, UBND tỉnh giao các Sở, ngành căn cứ vào Kế hoạch thanh tra đã được thủ trưởng cơ quan phê duyệt, thực hiện công tác thanh tra ngành, lĩnh vực. Qua thanh tra, ngoài việc chấn chỉnh, phòng ngừa hạn chế các sai phạm, tuyên truyền phổ biến pháp luật trong lĩnh vực thanh tra, các đoàn thanh tra còn phát hiện và thu hồi nộp ngân sách nhà nước theo quy định, trong đó có các khoản thu xử phạt vi phạm hành chính. Theo báo cáo của Sở Tài chính thì chưa có vụ việc vi phạm hành chính đến mức phải xử phạt vi phạm hành chính và phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả *“Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện vi phạm đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái pháp luật”* theo quy định tại Điều 37, Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ.

2. Nhận xét, đánh giá việc thực hiện các quy định của Thông tư số 149/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính: Không.

3. Đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung

a) Nghị định số 185/2013/NĐ-CP

Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm đ, Khoản 5, Điều 4, Nghị định số 185/2013/NĐ-CP như sau:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 37 Luật Xử lý vi phạm hành chính được áp dụng đối với người vi phạm có thu lợi bất hợp pháp và các tổ chức, cá nhân khác có thu lợi bất hợp pháp.

b) Thông tư số 149/2014/TT-BTC

- Khoản 3, Điều 3 đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì xác định số lợi bất hợp pháp có được là *tổng số lợi bất hợp pháp của tất cả các hành vi vi phạm hành chính*.

Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính nhiều lần thì xác định số lợi bất hợp pháp có được là *tổng số lợi bất hợp pháp của tất cả các lần thực hiện hành vi vi phạm hành chính*.

- Điều 4 đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

Số lợi bất hợp pháp do thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 37 Luật xử lý vi phạm hành chính và điểm đ, khoản 5, Điều 4 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP là khoản lợi ích về *vật chất* mà tổ chức, cá nhân thu được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính, gồm:

1. Tiền.
2. Giấy tờ có giá.
3. Tài sản và vật có giá.
4. *Khác*

- Điểm a, khoản 2, Điều 5 đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

Số lượng hàng hóa hoặc khối lượng dịch vụ đã thực hiện được xác định trên cơ sở kê khai của tổ chức, cá nhân vi phạm và kiểm tra, xác minh của người có thẩm quyền xử phạt *hoặc kết quả thẩm định của các cơ quan có thẩm quyền*.

- Điểm b, khoản 2, Điều 5 đề nghị bổ sung như sau:

Tổ chức, cá nhân bao gồm: tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính và các tổ chức, cá nhân khác có thu lợi bất hợp pháp liên quan đến hành vi vi phạm hành chính.

- Khoản 2, Điều 5 đề nghị bổ sung như sau:

Ngoài hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều này, trường hợp chuyển nhượng, tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định hàng hóa hoặc dịch vụ khác: số tiền tổ chức, cá nhân vi phạm thu được bằng (=) số lượng hàng hóa, khối lượng dịch vụ đã chuyển nhượng, tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định nhân (x) với đơn giá trừ (-) chi phí *hợp pháp, hợp lệ* cấu thành hàng hóa hoặc dịch vụ (nếu tổ chức, cá nhân vi phạm có đầy đủ hồ sơ, chứng từ để chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó).

(Thay chi phí trực tiếp bằng chi phí hợp pháp, hợp lệ để đảm bảo đầy đủ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung)

- Khoản 2, Điều 6: *đề nghị bỏ điểm a vì trái phiếu là một loại chứng khoán thuộc điểm g.*

- Khoản 4, Điều 6 đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

Trường hợp giấy tờ có giá đã được chuyển nhượng, số lợi bất hợp pháp được xác định bằng tiền thực tế thu được tại thời điểm chuyển nhượng và *khoản thu lợi bất hợp pháp phát sinh sau thời điểm chuyển nhượng*. Trường hợp giấy tờ có giá đã tiêu hủy, số lợi bất hợp pháp được xác định theo giá trị sổ sách của tổ chức phát hành giấy tờ có giá tại thời điểm tiêu hủy.

- Khoản 1, Điều 7 đề nghị bổ sung như sau:

Số lợi bất hợp pháp bằng tài sản hoặc vật có giá là tài sản hoặc vật có giá mà tổ chức, cá nhân vi phạm *hoặc tổ chức, cá nhân khác có liên quan* thu được từ hành vi vi phạm hành chính.

- Khoản 4, Điều 7 đề nghị bổ sung như sau:

Trường hợp tài sản hoặc vật có giá không phải hàng cấm, hàng lậu, hàng giả đã được chuyển nhượng, tiêu thụ hoặc tiêu hủy trước thời điểm người có thẩm quyền ra quyết định xử lý, số lợi bất hợp pháp được xác định bằng tiền tương đương giá trị thị trường của tài sản, vật có giá cùng loại hoặc xác định theo giá trị sổ sách của tài sản, vật có giá (nếu không có giá trị thị trường) hoặc xác định bằng giá trị tiền của tài sản, vật có giá ghi trên tờ khai xuất khẩu, tờ khai nhập khẩu (nếu là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) của tổ chức, cá nhân vi phạm sau khi trừ chi phí *hợp pháp, hợp lệ* cấu thành hàng hóa theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư này.

Trường hợp tài sản hoặc vật có giá là hàng cấm, hàng lậu, hàng giả đã được chuyển nhượng hoặc tiêu thụ trước thời điểm người có thẩm quyền ra quyết định xử lý, số lợi bất hợp pháp được xác định là tổng số tiền mà tổ chức, cá nhân nhận được khi thực hiện chuyển nhượng và *số thu lợi bất chính phát sinh sau thời điểm chuyển nhượng đến thời điểm lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính*.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 149/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính trên địa bàn tỉnh Bình Định, Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp và chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Pháp chế – Bộ Tài chính;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K17.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng